

**BÁO CÁO**  
**Việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp**

---

Thực hiện Công văn số 1814/UBVHGDTTN14 ngày 15/3/2019 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội về việc báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm 2015 đến nay cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC BAN HÀNH VĂN BẢN, CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ DẠY NGHỀ**

**1. Ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thi hành của địa phương**

Ngay khi Luật Giáo dục nghề nghiệp ban hành và có hiệu lực thi hành (01/7/2015); Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành có liên quan tích cực tổ chức triển khai thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, ban hành một số văn bản chỉ đạo và định hướng phát triển dạy nghề như:

- Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy thông qua đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020.

- Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 -2020.

- Công văn số 330/UBND-KGVX ngày 10/02/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 747/UBND-KGVX ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (gồm Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - TB&XH sau khi bàn giao chức năng quản lý nhà nước theo Luật GDNN).

- Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về “nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo tỉnh Bắc Giang năm 2018”.

- Các Quyết định hàng năm của UBND tỉnh về việc: phê duyệt mức chi và danh mục dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; giao kế hoạch vốn chi tiết Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh đào tạo nghề; giao kế hoạch vốn chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn lao động.

Bên cạnh đó, tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các văn bản đã ban hành trước thời điểm Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực, đó là:

- Kết luận số 28-KL/TU ngày 26/3/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề của tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

- Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 20/7/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện Luật GDNN**

### **2.1. Hình thức thực hiện**

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang đã tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN thông qua các bản tin thời sự địa phương, các chuyên mục về dạy nghề, các phóng sự, chương trình hỏi và giải đáp chính sách, pháp luật và hệ thống đài phát thanh cơ sở

- Báo Bắc Giang tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN thông qua các trang tin, bài phóng sự, ký sự...

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN thông qua tài liệu sinh hoạt chi bộ, thông qua tổ chức hội nghị tuyên truyền, các lớp tập huấn báo cáo viên

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, Ngành liên quan triển khai công tác tuyên truyền Luật giáo dục nghề nghiệp một cách đa dạng, phong phú cả về nội dung và hình thức:

+ Tổ chức biên tập, in 2.400 cuốn tài liệu Hệ thống văn bản gồm Luật và các văn bản triển khai thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp; biên tập, in trên 2.500 cuốn cẩm nang hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn đào tạo nghề cho lao động nông thôn cấp phát, tuyên truyền đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; UBND cấp xã, huyện....Biên tập và in trên 2 vạn tờ rơi tuyên truyền Luật giáo dục nghề nghiệp, chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn để cấp phát tới người lao động trên địa bàn tỉnh.

+ Cập nhật hệ thống văn bản quản lý nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên trang website của cơ quan.

+ Tổ chức tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm tại các thôn, xã, phường trên địa bàn huyện, thành phố; tuyên truyền thông qua Sàn giao dịch việc làm (Phiên giao dịch định kỳ ngày 05, 10, 15, 20, 25 hàng tháng; phiên giao dịch việc làm Online); trang website của Sở.

+ Tổ chức và cử trên 300 lượt người là cán bộ quản lý các cơ sở GDNN, cán bộ lao động, thương binh xã hội các cấp tham dự các hội nghị, lớp tập huấn triển khai thực hiện Luật GDNN.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN thông qua các Hội nghị tư vấn tuyển sinh, các buổi tập huấn, hội nghị chuyên đề, bồi dưỡng chính trị....

- Chỉ đạo các Hội, Đoàn thể tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp thông qua tài liệu sinh của hội, các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, các buổi sinh hoạt của các cấp hội.

## 2.2. Nội dung phổ biến giáo dục tuyên truyền

Công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật về Giáo dục nghề nghiệp tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Các nội dung cơ bản của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh; quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Các chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề: Nghị quyết số 30a của Chính phủ (về dạy nghề cho người lao động tại các huyện nghèo), chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn, người tàn tật, thanh niên, phụ nữ, người nghèo, thanh niên dân tộc thiểu số, chính sách vay vốn ưu đãi học sinh, sinh viên.

- Công tác triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Điều kiện, thủ tục thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập và giải thể các trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm GDNN; thủ tục đăng ký hoạt động GDNN.....

- Những nội dung cơ bản của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề của tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

## II. CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

### 1. Mạng lưới cơ sở GDNN

Triển khai thực hiện chủ trương về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nói riêng; UBND tỉnh Bắc Giang

đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 21/10/2016 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 140-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 -2020. Tổng số cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh đã giảm từ 86 (cuối năm 2015) xuống còn 51 (hết Quý I/2019), trên địa bàn mỗi huyện (thành phố) chỉ còn 01 Trung tâm GDNN công lập, trong đó:

- Phân theo cơ quan quản lý:
  - + Cơ sở GDNN do trung ương quản lý: 03 cơ sở (100% là công lập).
  - + Cơ sở GDNN do địa phương quản lý: 48 cơ sở (trong đó có 17 đơn vị công lập).
- Phân theo loại hình cơ sở GDNN:
  - + Trường cao đẳng: 02 trường (100% là công lập).
  - + Trường trung cấp: 09 trường (trong đó có 05 trường công lập).
  - + Trung tâm GDNN: 15 trung tâm (trong đó có 09 trung tâm công lập).
  - + Cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 25 cơ sở (trong đó có 04 cơ sở công lập).

*(Phụ lục 1 kèm theo)*

## **2. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo**

Giai đoạn 2015 - 2019, tỉnh đã huy động được trên 651.352 triệu đồng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 259.071 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 119.160 triệu đồng.
- Nguồn xã hội hóa: 273.121 triệu đồng.

Về cơ bản các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có đủ phòng học lý thuyết, xưởng thực hành; có đủ thiết bị thực hành cơ bản cho các nghề đào tạo. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư trọng điểm đã có thiết bị hiện đại ở một số nghề, được xây dựng đồng bộ từ phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, khu giáo dục thể chất...

## **3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**

Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp luôn được các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quan tâm. Giai đoạn 2015-2018, toàn tỉnh đã bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho trên 120 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho trên 100 nhà giáo để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi tổ chức các lớp học đã bảo đảm đủ giáo viên dạy lý thuyết, giáo viên hướng dẫn thực hành theo quy định. Đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 1.061 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó:

- + Trình độ Tiến sĩ: 06 người chiếm 0,6%;
- + Trình độ thạc sĩ: 223 người chiếm 21%;

- + Trình độ đại học: 557 người, chiếm 52,5%;
- + Trình độ cao đẳng: 78 người, chiếm 7,4%;
- + Trình độ Nghệ nhân: 01 người, chiếm 0,1%;
- + Trình độ khác: 196 người, chiếm 18,5% (công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao...).

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên toàn tỉnh tại thời điểm 30/4/2019 là 83 người; trong đó trình độ tiến sĩ 01 người, chiếm 1,2%; trình độ thạc sĩ 50 người, chiếm 60,2%; trình độ đại học 20 người, chiếm 24,1%, trình độ cao đẳng 04 người, chiếm 4,8%; trình độ khác 08 người, chiếm 9,6% . 100% đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp đảm bảo trình độ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý theo quy định.

(Phụ lục 3 kèm theo)

#### **4. Xây dựng và đổi mới nội dung, chương trình đào tạo**

Từ năm 2016, khi Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện xây dựng, chuyên đổi chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề ở tất cả các nghề và các cấp trình độ đào tạo (Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và Đào tạo thường xuyên). Triển khai hoạt động của các cơ sở GDNN theo hướng giao quyền tự chủ, tự quyết định về thời gian đào tạo, chương trình đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm thích nghi, phù hợp với yêu cầu của từng doanh nghiệp, từng nhóm lao động, từng địa bàn và có sự tham gia của doanh nghiệp, các cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp. Với sự tham gia của doanh nghiệp được thực hiện ngay tư khâu xây dựng chương trình đào tạo là tiền đề thuận lợi để chương trình đào tạo thực sự phù hợp với doanh nghiệp. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được chủ động thay đổi chương trình đào tạo cho phù hợp với những tiến bộ mới của khoa học, công nghệ; sự thay đổi của công nghệ sản xuất tại các doanh nghiệp; thực tiễn sản xuất kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động. Định kỳ, Hiệu trưởng các Trường thành lập Hội đồng chuyên môn để tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung những thay đổi theo quy định cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Doanh nghiệp được chủ động đặt hàng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp về số lượng lao động đào tạo trên cơ sở chương trình đào tạo do doanh nghiệp quyết định, lựa chọn. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng có thể cùng lúc xây dựng, thực hiện nhiều chương trình đào tạo khác nhau cho cùng một nghề theo yêu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp khác nhau.

Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xây dựng, chuyên đổi chương trình đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và của người lao động.

#### **5. Kết quả thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo**

Giai đoạn 2015 - 2018, các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo nghề cho 127.325 người theo 03 cấp trình độ, trong đó:

- Trình độ Cao đẳng: 3.605 người.

- Trình độ Trung cấp: 12.497 người.
- Trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 111.241 người.

(Phụ lục 2 kèm theo)

Với sự chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua; công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các cơ sở GDNN đã quan tâm tới công tác giới thiệu việc làm cho người lao động sau đào tạo; phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp từ khâu xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, cử kỹ sư, công nhân lành nghề tham gia hướng dẫn thực hành cùng cơ sở dạy nghề, nhận học sinh vào thực tập thực tế tại doanh nghiệp và tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

Tính đến hết năm 2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 63,1%. Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau đào tạo đạt trên 90% ở trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp, trên 80% ở trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên; đặc biệt, ở trình độ cao đẳng của một số ngành nghề trọng điểm như Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô... tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau đào tạo đạt trên 95%; các doanh nghiệp đã phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tham gia đánh giá, tuyển dụng lao động ngay khi tốt nghiệp.

### **III. CÔNG TÁC LẬP, GIAO VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CHO CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **1. Công tác lập kế hoạch**

Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo và kế hoạch kinh phí cho năm sau gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các Sở phối hợp tổng hợp nhu cầu kinh phí báo cáo UBND tỉnh Bắc Giang, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Đối với ngân sách địa phương cấp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Các cơ sở GDNN lập kế hoạch gửi cơ quan chủ quản để đơn vị chủ quản bảo vệ Kế hoạch với Sở Tài chính hoặc trực tiếp bảo vệ kế hoạch với Sở Tài chính (nếu là đơn vị cấp 2). Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh Bắc Giang quyết định. Dự toán chi NSNN được giao cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo chỉ tiêu đào tạo hàng năm với định mức áp dụng là 11,3 triệu đồng/1 học sinh cao đẳng/năm và 8,3 triệu đồng/1 học sinh/năm (chưa kể phân thu hoặc được cấp bù thu học phí).

Đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: UBND các huyện (thành phố) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo triển khai thực hiện khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Kế hoạch đào tạo và nhu cầu kinh phí tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.

## **2. Công tác giao kế hoạch**

### **2.1. Đối với nguồn vốn chi thường xuyên**

Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh Quyết định giao kế hoạch vốn ngân sách cho các đơn vị thực hiện. Các đơn vị được giao sử dụng ngân sách lập kế hoạch chi tiết gửi cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định. Sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan chủ quản giao dự toán chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện. Việc thanh quyết toán kinh phí thông qua cơ quan chủ quản hoặc Sở Tài chính (đối với đơn vị cấp 2) theo quy định của Luật ngân sách.

### **2.2. Đối với nguồn vốn chương trình mục tiêu**

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề

Sau khi có thông báo vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định giao vốn của UBND tỉnh Bắc Giang; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch chi tiết nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành liên quan thẩm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn (chi tiết theo từng nội dung) cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Sau khi được phân bổ vốn, các đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị theo quy định của nhà nước. Việc thanh quyết toán kinh phí thông qua kho bạc theo Luật ngân sách. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư.

b) Nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của quyết định 1956.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các huyện, thành phố khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn của các địa phương để xây dựng kế hoạch đào tạo. Chỉ đạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu, kinh phí thực hiện.

## **IV. CÁC CÔNG TÁC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **1. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên, kịp thời hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn như: Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kiểm tra giám sát quá trình thực hiện hoạt động dạy nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố. Hướng dẫn và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo; thực hiện các chính sách đối với học sinh, sinh viên và thực hiện các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

## **2. Công tác kiểm tra, thanh tra**

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp được tiến hành thường xuyên đối với tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung chủ yếu vào việc thực hiện quy định của Luật:

- Công tác xây dựng nội dung, chương trình, giáo trình đào tạo;
- Việc thực hiện tiêu chuẩn của cán bộ quản lý, nhà giáo; việc bố trí nhà giáo tham gia giảng dạy của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo dục nghề nghiệp. Tình hình triển khai thực hiện một số chế độ chính sách đối với nhà giáo dục nghề nghiệp.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo; hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo.
- Tình hình lên lớp của giáo viên và học sinh, quá trình tổ chức kiểm tra, thi tốt nghiệp các lớp đào tạo nghề, in ấn cấp phát và quản lý bằng nghề, chứng chỉ nghề.
- Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

Giai đoạn 2016 - 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức 03 đợt kiểm tra, rà soát các điều kiện đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật. Qua kiểm tra đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của 41 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh do không có đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra theo 03 chuyên đề: kiểm tra tình hình thực hiện công tác tuyển sinh và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tại trên 30 lượt cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Dự án nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với 10 huyện, thành phố; kiểm tra công tác tổ chức quản lý và đào tạo các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với gần 50 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị khắc phục các hạn chế, tồn tại; tổng hợp, tiếp thu những kiến nghị, đề xuất từ người học nghề và cơ sở đào tạo để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chỉ đạo, giải quyết.

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GDNN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Công tác tuyển sinh được các cơ sở GDNN đặc biệt quan tâm, có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở GDNN với UBND các xã phường, thị trấn trong công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo tại chỗ cho người lao động;



công tác tuyển sinh được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức như tuyển sinh tại trường, tuyển sinh thông qua cán bộ, giáo viên, thông qua các điểm tư vấn, thông qua doanh nghiệp, liên kết với các trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên... Các cơ sở GDNN cũng đã chủ động mở các Hội nghị tư vấn tuyển sinh, đối tượng tư vấn là học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn. Vì vậy, trong những năm qua, kết quả tuyển sinh đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Chất lượng dạy nghề đã được nâng lên, một số lĩnh vực dạy nghề đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động như: Nghề Hàn, Công nghệ ô tô, Kỹ thuật may và thời trang, Quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu, Cắt gọt kim loại... tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề hàng năm đạt trên 97%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề được chủ sử dụng lao động đánh giá có kỹ năng nghề đạt loại khá, giỏi chiếm trên 50%, ý thức tác phong công nghiệp đạt loại tốt chiếm trên 70%.

Trên 90% sinh viên tốt nghiệp cao đẳng và tốt nghiệp trung cấp có việc làm sau đào tạo. Nhiều học sinh, sinh viên có việc làm với mức thu nhập cao và ổn định. Trên 80% lao động nông thôn sau khi được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg có việc làm sau đào tạo hoặc biết áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động.

Nhìn chung lao động qua đào tạo nghề của tỉnh từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

## **VI. KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Khó khăn vướng mắc**

- Hệ thống văn bản triển khai thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp còn chưa được đầy đủ, đồng bộ. Các văn bản quy định về định mức kinh tế kỹ thuật; văn bản quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tự chủ đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp... và các quy định khác liên quan vẫn chưa được ban hành nên chưa có đủ căn cứ, định hướng cụ thể trong tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ gắn cơ sở GDNN với doanh nghiệp một cách hiệu quả, thực chất.

- Cơ chế, chính sách về phối hợp, liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp chưa được rõ ràng, thuận lợi; chưa gắn được trách nhiệm của doanh nghiệp vào chính sách phát triển đào tạo nghề. Việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn có nhiều lúng túng, vướng mắc.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về GDNN từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu; trình độ quản lý (nhất là ở cấp xã) còn hạn chế.

- Nguồn lực ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên việc đầu tư cho công tác giáo dục nghề nghiệp chưa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

## 2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan sớm ban hành đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Xem xét đơn giản hóa quy định, thủ tục cấp phép đào tạo ngoài trụ sở chính cho các trường cao đẳng, trung cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức tuyển sinh, đào tạo kịp thời đáp ứng nhu cầu của người học ở nơi người lao động có nhu cầu học nghề cao; sớm quy định, ban hành danh mục nghề bắt buộc phải sử dụng lao động qua đào tạo; tiếp tục hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các Trường, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập để nâng cao chất lượng đào tạo. /.

Nơi nhận: *VB*

- Ủy ban VHGD TNTN & NĐ của Quốc hội;
- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Lao động - TB & XH, Tài chính, KH & ĐT;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*AD*

Lê Anh Dương

Phụ lục 1

**HỆ THỐNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG  
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Báo cáo số: 74 /BC-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2019)



Đơn vị tính: cơ sở

TT		Năm				
		2015	2016	2017	2018	4/2019
	<b>Tổng số</b>	<b>86</b>	<b>75</b>	<b>59</b>	<b>53</b>	<b>51</b>
<b>1</b>	<b>Trường Cao đẳng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>					
<b>2</b>	<b>Trường Trung cấp</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>90</b>	<b>9</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>4</i>
<b>3</b>	<b>Trung tâm GDNN</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>15</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>	<i>12</i>	<i>10</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	<i>6</i>
<b>5</b>	<b>Cơ sở hoạt động GDNN</b>	<b>55</b>	<b>46</b>	<b>30</b>	<b>26</b>	<b>25</b>

**Phụ lục 2**

**QUY MÔ TUYỂN SINH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2018**

(Kèm theo Báo cáo số: 74 /BC-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019)



TT	Quy mô tuyển sinh	ĐVT	Năm				Tổng cộng
			2015	2016	2017	2018	
	<b>Cộng</b>	<b>người</b>	<b>29,935</b>	<b>29,155</b>	<b>28,630</b>	<b>39,605</b>	<b>127,325</b>
<b>1</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>người</b>	<b>575</b>	<b>816</b>	<b>1,152</b>	<b>1,062</b>	<b>3,605</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>	<i>người</i>					
<b>2</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>người</b>	<b>3,000</b>	<b>3,276</b>	<b>2,849</b>	<b>3,354</b>	<b>12,479</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>	<i>người</i>	<i>90</i>	<i>86</i>	<i>126</i>	<i>118</i>	<i>420</i>
<b>3</b>	<b>Sơ cấp và Đào tạo thường xuyên</b>	<b>người</b>	<b>26,360</b>	<b>25,063</b>	<b>24,629</b>	<b>35,189</b>	<b>111,241</b>
	<i>Trong đó: ngoài công lập</i>	<i>người</i>	<i>22,933</i>	<i>21,554</i>	<i>20,935</i>	<i>31,670</i>	<i>97,092</i>

Ghi chú: Tổng tuyển mới năm 2018 chưa bao gồm trình độ đại học và đào tạo ngành sư phạm 6.200 người

Phụ lục 3

**TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
(Kèm theo Báo cáo số: 74 /BC-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2019)



**I. Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp**

TT	Đối tượng	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ											
			Tiên sỹ		Thạc sỹ		Đại học		Cao đẳng		Nghệ nhân		Khác	
			Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,061</b>	<b>6</b>	<b>0.6</b>	<b>223</b>	<b>21.0</b>	<b>557</b>	<b>52.5</b>	<b>78</b>	<b>7.4</b>	<b>1</b>	<b>0.1</b>	<b>196</b>	<b>18.5</b>
<b>I</b>	<b>Cơ sở GDNN</b>	<b>925</b>	<b>6</b>	<b>0.6</b>	<b>223</b>	<b>24.1</b>	<b>440</b>	<b>47.6</b>	<b>62</b>	<b>6.7</b>	<b>1</b>	<b>0.1</b>	<b>193</b>	<b>20.9</b>
1	Trường Cao đẳng	287	6	2.1	148	51.6	119	41.5	8	2.8		-	6	2.1
2	Trường Trung cấp	542		-	62	11.4	240	44.3	52	9.6	1	0.2	187	34.5
3	Trung tâm GDNN	96		-	13	13.5	81	84.4	2	2.1		-		-
<b>II</b>	<b>Cơ sở hoạt động GDNN</b>	<b>136</b>		-		-	<b>117</b>	<b>86.0</b>	<b>16</b>	<b>11.8</b>		-	<b>3</b>	<b>2.2</b>

**II. Cán bộ quản lý về GDNN**



TT	Người	Tỷ lệ (%)
1	83	100.0
2	83	100.0
	1	1.2
	50	60.2
	20	24.1
	4	4.8
	8	9.6